

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 71/2018/HSST

Ngày: 02/3/2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh

Bà Trương Thị Thìn

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn- Thư ký TAND TP.
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham
gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B
mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 22/2018/HSST
ngày 19 tháng 01 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số
44/2018/HSST-QĐ ngày 05/02/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần B.** Tên gọi khác: Kh

Sinh năm 1996 tại Bến Tre.

Nơi đăng ký HKTT: 57/3, ấp A, xã A, huyện Th, tỉnh Bến Tre

Chỗ ở: như trên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: Làm thuê.

Trình độ học vấn: 08/12

Họ tên cha: Trần Văn D - sinh năm 1970

Họ tên mẹ: Mai Thị Bé M - sinh năm 1971

Gia đình có 02 anh em, bị can là con đầu và chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Hiện bị can đang được tại ngoại.

Nguyên đơn dân sự: Công ty cổ phần xây dựng A.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình Th, sinh năm: 1976

Địa chỉ: KP.8, TT Chơn Th, huyện Ch, tỉnh B.(vắng mặt).

Người bị hại: anh Nguyễn Đại L, SN: 1997.

Hộ khẩu thường trú: thôn K, xã Phú D, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.(vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Phước Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: khu phố 1, phường A, TX. D, tỉnh Bình Dương.(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trần B, sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: 57/3, ấp A, xã A, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre là công nhân xây dựng làm việc tại công trình xây dựng địa chỉ tổ 8c, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thuộc Công ty cổ phần xây dựng A, địa chỉ: Lô J53, đường NE8, phường Th, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Vào ngày 18/5/2017, do bị bệnh không làm việc được nên Trần B đã xin vào kho chứa hàng của công trình nằm nghỉ thì có anh Nguyễn Đại L, SN: 1997, hộ khẩu thường trú: thôn K, xã Ph, huyện Ph, tỉnh Thừa Thiên Huế là nhân viên trông coi kho của công ty có mặt tại đây. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, anh L cất chiếc máy tính xách tay hiệu Dell (đây là chiếc máy tính của công ty giao cho anh L để nhập số liệu) trong thùng carton và nhờ B trông coi kho dùm để anh L ra ngoài có công việc riêng. Khoảng 10 phút sau anh L quay lại kho không thấy B đâu, kiểm tra máy tính bị mất nên anh L đã báo lại sự việc cho anh Trần Đình Th, sinh năm 1976 là giám sát công trình của công ty biết.

Do nghi ngờ B lấy chiếc máy tính nên ngày 28/5/2017 anh Th cùng anh L đưa Bảo đến công an xã H để trình báo làm rõ sự việc. Tại đây, B đã khai nhận việc trộm cắp chiếc máy tính trên vào ngày 18/5/2017 khi anh L nhờ coi kho rồi đem đi bán tại tiệm “Ng”, địa chỉ 624, Quốc lộ 1K, Nội Hòa 2, B, thị xã D, tỉnh Bình Dương do Nguyễn Xuân R, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: 91, B, B, thị xã D, tỉnh Bình Dương làm chủ bán được 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Công an xã H đã lập hồ sơ chuyển Công an thành phố B xử lý theo quy định.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 172/TCKH-HĐĐG ngày 29/6/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B đã kết luận: 01 máy tính xách tay hiệu Dell có giá trị định giá là 11.115.900 đồng” (Mười một triệu một trăm mười lăm nghìn chín trăm đồng)

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 BLHS năm 1999.

b) Về các vấn đề khác:

-Vật chứng vụ án:

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell, Bảo khai bán cho Nguyễn Xuân R, qua làm việc R không thừa nhận, nên không có cơ để xử lý đối với R và không thu hồi được chiếc máy tính trên.

- 01 xe mô tô BS: 61E1-590.66, Trần B sử dụng vào việc phạm tội, B khai mượn của anh rể tên Nguyễn Phước Th, anh Th không biết B sử dụng xe trên vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Th.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo Trần B đã bồi thường cho Công ty cổ phần xây dựng A 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nên anh Nguyễn Đại L và Công ty cổ phần xây dựng A không có yêu cầu gì thêm.

c) Tại bản cáo trạng số 36/CT/VKS- HS ngày 12/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Trần B về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại Điều 138 khoản 1 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án từ 06(sáu) đến 08(tám) **tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về việc truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần B đã khai nhận, khoảng 16 giờ 30 ngày 18/5/2017, tại kho công trình xây dựng ở địa chỉ tổ 8c, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Trần B đã có hành vi trộm cắp 01 máy tính xách tay hiệu Dell có giá trị định giá là 11.115.900 đồng (Mười một triệu một trăm mười lăm nghìn chín trăm đồng) của Công ty cổ phần xây dựng A giao cho anh Nguyễn Đại L quản lý thì bị phát hiện, đến ngày 24/8/2017 B bị khởi tố, xử lý.

Đối chiếu lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ vụ án, từ đó đã có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Qua xem xét nhân thân, hành vi của bị cáo

xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Trần B về tội danh: “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự là đúng căn cứ pháp luật.

[3] *Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm nhằm giáo dục đối với bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả nên xem xét giảm nhẹ một phần về mức hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng là phù hợp.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Gia đình bị cáo Trần B đã bồi thường 10.000.000đ (mười triệu đồng). Công ty A đã bãi nại cho bị cáo B. Người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- 01 máy tính xách tay hiệu Dell, Bảo khai bán cho Nguyễn Xuân R, qua làm việc R không thừa nhận, nên không có cơ sở để xử lý đối với R và không thu hồi được chiếc máy tính trên nên không đặt ra xem xét.

- 01 xe mô tô BS: 61E1-590.66, Trần B sử dụng vào việc phạm tội, B khai mượn của anh rể tên Nguyễn Phước Th, anh Th không biết B sử dụng xe trên vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Th là phù hợp.

[6] *Án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, điều 138; điểm b, g, p, h khoản 1 điều 46; điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần B 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện Th, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Án phí Hình sự sơ thẩm:

- Áp dụng điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai.
- Sở tư pháp tỉnh Đồng
- VKS TP B.
- Thi hành án.
- Bị cáo, đương sự
- Công an TP B.
- Lưu VP - HS

Nguyễn Thị Phú

